

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 5 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022; về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1979 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Mai Thị Tiết M, sinh năm: 1978 (*có đơn xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh và chị Mai Thị Tiết M tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2007 anh chị phát sinh mâu thuẫn với nhau.

Nguyên nhân do chị M gây nợ anh phải suất tiền ra chi trả là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), trong thời gian chung sống chị M không trung thực với anh về tiền bạc, cụ thể năm 2020 chị M đã tự ý bán 02 chỉ vàng 24kra do anh cất giữ, sau đó chị M đã mua vàng giả để tránh tráo vào sổ vàng thật đến khi cần tiền anh mang đi bán

mới phát hiện. Ngoài ra trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên xảy ra chuyện cự cãi và đánh nhau, chị M đã nhiều lần dùng lời lẽ thô tục chửi mắng xúc phạm đến cha mẹ anh; đến tháng 02 năm 2021 chị M đã lấy sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 05 chỉ và dẫn đứa con tên Nguyễn Thị Mỹ D bỏ nhà đi ra tỉnh Đồng Nai sinh sống và ly thân với anh đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được.

Do đó, anh đã mất lòng tin đối với chị M, nên tình cảm giữa anh và chị M đã phai nhạt không thể tiếp tục chung sống với nhau được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M theo quy định.

Về con chung: Cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 19/10/1999 hiện nay đã có nghề nghiệp ổn định và có cuộc sống tự lập, nên anh không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Riêng đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/7/2007 hiện nay đang sống với chị M, nên anh thống nhất giao cho chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh khỏi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải chị Mai Thị Tiết M trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh H tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xảy ra chuyện cãi vã và đánh nhau; từ đầu năm 2021 đến nay chị và anh H đã ly thân với nhau chị dẫn cháu D ra tỉnh Đồng Nai sinh sống, hiện nay chị đang làm công nhân cho Công ty giày tại Đồng Nai thu nhập ổn định đủ nuôi sống chị và cháu D, nên chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nay tình cảm giữa chị và anh H không hàn gắn được, nên thống nhất ly hôn với anh H theo quy định.

Về con chung: Cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 19/10/1999 hiện nay đã có nghề nghiệp ổn định và có cuộc sống tự lập, nên chị không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/7/2007 hiện nay đang sống với chị và cháu có nguyện vọng sống với chị, nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Mai Thị Tiết M làm phát sinh “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại các Điều 9, 14, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Mai Thị Tiết M có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Mai Thị Tiết M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, nay anh H yêu cầu ly hôn và chị M thống nhất nên làm phát sinh tranh chấp ly hôn.

Xét việc anh H và chị M chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn, là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Và theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình”*.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/7/2007 hiện đang sống với chị M, cháu D có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị M; đồng thời, chị M cũng yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu D đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H thống nhất giao cho chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng cháu D, là phù hợp theo quy định pháp luật.

Riêng đối với cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 19/10/1999 (hiện nay đã trên 22 tuổi) cháu Q đã có nghề nghiệp ổn định và sống tự lập, nên anh H và chị M không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, anh H trình bày anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì khởi kiện bằng vụ kiện chia tài sản sau khi ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai, chị M trình bày về tài sản chung và nợ chung chị tự thỏa thuận với anh H, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M; về việc nuôi con, tài sản chung và nợ chung đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị M theo quy định.

Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Mai Thị Tiết M.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Mai Thị Tiết M.

Giao cho chị Mai Thị Tiết M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/7/2007 đến khi cháu D đủ 18 tuổi, anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi cháu D, do chị M tự nguyện không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng đối với cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 19/10/1999 đã có nghề nghiệp ổn định và có cuộc sống tự lập, nên anh H và chị M không có yêu cầu giải quyết.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị M tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo ký hiệu biên lai thu 14BE-21 số: 0001487 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Mai Thị Tiết M không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thành Triều